

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 776/QĐ-ĐHCN ngày 2 tháng 08 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình	: Cử nhân Quản trị nhân lực
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị nhân lực
Mã số	: DH3404041
Hình thức đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được thiết kế để đào tạo cử nhân ngành Quản trị nhân lực có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực tại doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước. Nhân lực được đào tạo có kiến chuyên ngành vững vàng, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ngoại ngữ và tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc của xã hội và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu về hoạch định và thu hút nguồn nhân lực: Đánh giá mối quan hệ cung - cầu trên thị trường lao động và xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí nguồn nhân lực trong tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho tổ chức.

- Hiểu và vận dụng kiến thức đào tạo và phát triển nhân lực: Quy trình phân tích công việc, quy trình xây dựng chương trình đào tạo nhân viên, hiểu biết phương pháp tạo dựng tổ chức học tập, quản trị tri thức, phát triển cá nhân và tổ chức.

- Hiểu và vận dụng kiến thức đãi ngộ cho người lao động: Phương pháp đo lường, đánh giá công việc; thiết kế hệ thống thù lao hợp lý, công bằng, áp dụng triển khai công tác quản trị thù lao hiệu quả và có tính thúc đẩy người lao động.

- Biết vận dụng kiến thức quan hệ lao động: Phương pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong mối quan hệ lao động, tạo dựng môi trường làm việc tốt.

1.2.2. Về kỹ năng

- Phân tích, tổng hợp và lập kế hoạch nhân sự.

- Tổ chức và ra quyết định về đào tạo và phát triển nhân sự.

- Lãnh đạo một nhóm để đạt mục tiêu thông qua việc xây dựng kế hoạch, niềm tin, tổ chức triển khai thực hiện công việc.

- Tiếp cận và hiểu rõ đặc điểm cá nhân về những vấn đề cốt yếu như giá trị, quan điểm cá nhân, đặc trưng giá trị văn hóa của người tương tác. Nhạy cảm và chấp nhận sự khác biệt về cá nhân và các yếu tố đa văn hóa.

- Soạn thảo được các báo cáo công việc đúng chuẩn mực; có khả năng thuyết trình, thuyết phục; có khả năng lắng nghe hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác.

1.2.3. Về thái độ

- Tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Hành vi phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội.

- Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp.

- Hòa đồng, tôn trọng cấp trên, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng.

- Có tinh thần trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong công việc.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Cử nhân sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí chuyên viên tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; phụ trách lương - thưởng, chính sách và các chế độ phúc lợi cho người lao động, quan hệ lao động tại các doanh nghiệp. Với nền tảng kiến thức và kỹ năng được trang bị sinh viên tốt nghiệp có khả năng phát triển để đảm nhận các vị trí quản lý, điều hành như: Trưởng phòng Quản lý nhân sự, Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Trưởng văn phòng đại diện...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

- Đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao xác định theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 145 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm: Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 787/QĐ-ĐHCN ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	44	37	7	0
I.1		Các môn lý luận chính trị	11	11	0	0
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	9	9	0	0
		Kiến thức bắt buộc	7	7	0	0
1	1203107	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
		Ngoại ngữ	5	5	0	0
1	1303176	Tiếng Anh Thương mại 1*	5	5	0	0
2	1303177	Tiếng Anh Thương mại 2*	5	5	0	0
3	1303178	Tiếng Anh Thương mại 3*	5	5	0	0
4	1303179	Tiếng Anh Thương mại 4*	5	5	0	0
5	1303180	Tiếng Anh Thương mại 5*	5	5	0	0
6	1303181	Tiếng Anh Thương mại*	5	5	0	0
	TcQTNL1	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1403132	Tâm lý học đại cương	2	2	0	
2	1403149	Xã hội học	2	2	0	
3	1603162	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
I.3		Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học	12	12	0	0
		Kiến thức bắt buộc	9	9	0	0
1	1003107	Toán cao cấp 1	3	3	0	0
2	1003109	Toán cao cấp 2C	3	3	0	0
3	1003111	Xác suất thống kê	3	3	0	0
	TcQTNL2	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)	3	3	0	0
1	1003104	Mô hình toán kinh tế	3	3	0	0
2	1403128	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I.4	TcGDTC	Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)	4	0	4	0
1	0903127	Bóng bàn 1	1	0	1	0
2	0903128	Bóng bàn 2	1	0	1	0
3	0903113	Aerobic 1	1	0	1	0
4	0903114	Aerobic 2	1	0	1	0
5	0903115	Bóng chuyền 1	1	0	1	0
6	0903116	Bóng chuyền 2	1	0	1	0
7	0903117	Bơi 1	1	0	1	0
8	0903118	Bơi 2	1	0	1	0
9	0903135	Cầu mây 1	1	0	1	0
10	0903136	Cầu mây 2	1	0	1	0
11	0903137	Đá cầu 1	1	0	1	0
12	0903138	Đá cầu 2	1	0	1	0
13	0903129	Bóng rổ 1	1	0	1	0
14	0903130	Bóng rổ 2	1	0	1	0
15	0903139	Bóng đá 1	1	0	1	0
16	0903140	Bóng đá 2	1	0	1	0
17	0903133	Cầu lông 1	1	0	1	0
18	0903134	Cầu lông 2	1	0	1	0
19	0903121	Karate 1	1	0	1	0
20	0903122	Karate 2	1	0	1	0
21	0903123	Khiêu vũ 1	1	0	1	0
22	0903124	Khiêu vũ 2	1	0	1	0
23	0903125	Pencak Silat 1	1	0	1	0
24	0903126	Pencak Silat 2	1	0	1	0
25	0903141	Tennis 1	1	0	1	0
26	0903142	Tennis 2	1	0	1	0
I.5		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5	3	0
1	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2	0	0
2	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0	3	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	0
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	101	64	18	19
II.1		Kiến thức cơ sở	56	48	8	0
II.1.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	41	36	5	0
		Kiến thức bắt buộc	39	34	5	0
1	1603115	Kinh tế vi mô	4	4	0	0
2	1603116	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	0
3	1603123	Marketing căn bản	3	2	1	0
4	1603122	Lý thuyết thống kê	3	2	1	0
5	1403170	Tâm lý học lao động	3	2	1	0
6	1603138	Quản trị học	3	2	1	0
7	1003102	Kinh tế lượng	3	3	0	0
8	1603171	Hành vi tổ chức	4	3	1	0
9	1103121	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0
10	1603148	Tài chính tiền tệ	3	3	0	0
11	1603112	Kinh tế bảo hiểm	3	3	0	
12	1603172	Kinh tế nguồn nhân lực	4	4	0	0
	TcQTNL3	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)	2	2	0	
1	1603117	<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>	2	2	0	0
2	1403114	<i>Kỹ năng giao tiếp</i>	2	2	0	0
II.1.2		Kiến thức cơ sở của ngành	15	12	3	0
		Kiến thức bắt buộc	15	12	3	0
1	1603175	Pháp luật về lao động	3	3	0	0
2	1603178	Quản trị nhân lực đại cương	4	3	1	0
3	1603169	Định mức lao động	4	3	1	0
4	1603156	Thống kê doanh nghiệp	4	3	1	0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	30	16	10	4
		Kiến thức bắt buộc	28	15	9	4
1	1603181	Thiết kế và phân tích công việc	3	2	1	0
2	1603179	Tin học ứng dụng trong quản trị nhân lực	4	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	1603183	Thực tập cơ sở ngành (Ngành Quản trị nhân lực)	4	0	0	4
4	1603165	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	3	2	1	0
5	1603180	Tuyển dụng nguồn nhân lực	3	2	1	0
6	1603168	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	3	2	1	0
7	1603167	Đánh giá thực hiện công việc	2	1	1	0
8	1603182	Thù lao và phúc lợi	3	2	1	0
9	1603203	Nghiên cứu tình huống trong quản lý kinh doanh	3	2	1	0
	TcQTNL4	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)	2	1	1	
1	1403160	<i>Kỹ năng phỏng vấn</i>	2	1	1	0
2	1603174	<i>Kỹ năng tổ chức và điều hành cuộc họp</i>	2	1	1	0
II.3		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0		15
1	1603184	Thực tập tốt nghiệp (ngành Quản trị nhân lực)	8	0	0	8
2	1603170	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (ngành Quản trị nhân lực)	7	0	0	7
	TcTnQTNL	Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần sau:	7	5	2	
1	1603176	<i>Quan hệ công chúng</i>	3	2	1	0
2	1603166	<i>Chuyên đề chuyên sâu</i>	3	2	1	0
3	1603177	<i>Quan hệ lao động</i>	2	1	1	0
4	1603103	<i>Đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế</i>	2	1	1	0
5	1603173	<i>Kỹ năng lãnh đạo</i>	2	1	1	0
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	145	101	25	19

Ghi chú:

- Các học phần " Tiếng Anh Thương mại 1"; " Tiếng Anh Thương mại 2"; " Tiếng Anh Thương mại 3"; " Tiếng Anh Thương mại 4" và " Tiếng Anh Thương mại 5" không tính khối lượng tích lũy tín chỉ của chương trình đào tạo.

- "***": sinh viên có thể đăng ký học thay thế bằng các học phần Tiếng Trung Quốc; hoặc Tiếng Hàn Quốc; hoặc Tiếng Nhật (nếu có).

8. Tiến trình đào tạo

